

ANALYSIS OF SOME QUALITY ASSURANCE MODELS IN THE WORLD AND RECOMMENDATIONS FOR IMPLEMENTATION OF QUALITY ASSURANCE ACTIVITIES AT VIETNAM ACADEMY OF ETHNIC MINORITIES

Nguyen Thi Anh Tuyet^a
Vu Thi Thu Trang^b

^a Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: tuyetnta@hvdt.edu.vn

^b Office of the Vietnam Social Insurance Administration Council

Email: trangvtt@vss.gov.vn

Received: 12/8/2021

Reviewed: 23/9/2021

Revised: 17/10/2021

Accepted: 05/11/2021

Released: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/577>

Building and implementing a quality assurance model at universities is a factor contributing to the process of improving education quality, meeting the requirements of related stakeholders and increasing autonomy and self-responsibility of educational institutions. However, the application of the quality assurance model will depend on the specific conditions and context of each higher education institution. The article presents an overview of quality assurance and some popular higher education quality assurance models in Vietnam and around the world, proposes quality policy, quality assurance system, model of internal quality assurance of Vietnam Academy for Ethnic Minorities in the current mechanism and structure of Vietnam Academy for Ethnic Minorities.

Keywords: *Quality assurance; Ethnic Academy; University education; Quality verification; Procedure.*

1. Đặt vấn đề

Xu thế phát triển giáo dục đại học là tất yếu trong hệ thống giáo dục đại học của một quốc gia. Trong đó, không thể thiếu hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) - hoạt động giúp duy trì, đảm bảo cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Hình thành, hoạt động, duy trì và phát triển hệ thống ĐBCL là một vấn đề thu hút sự quan tâm của các cơ sở giáo dục hiện nay vì đó là vấn đề sống còn trong cơ chế tự chủ đại học. Trong bối cảnh nền giáo dục Việt Nam đang có nhiều chuyên biến quan trọng thì bản thân mỗi cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) phải tự xây dựng cho mình những phương thức ĐBCL tốt nhất nhằm khẳng định thương hiệu của đơn vị. Trong đó, xây dựng và vận hành một hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp là yêu cầu tất yếu đối với mỗi cơ sở GDĐH dựa trên cơ chế, cơ cấu hiện tại, thời điểm phát triển của từng nhà trường. Việc tiến

hành nghiên cứu toàn diện các mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục đại học đang được vận hành ở Việt Nam, cũng như trong khu vực ASEAN và điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục để triển khai áp dụng là một trong những nhiệm vụ tất yếu của mỗi nhà trường đại học trong bối cảnh hiện nay.

Học viện Dân tộc đang trong thời kỳ bắt đầu vận hành chức năng GDĐH. Để xây dựng các quy trình ĐBCL phù hợp với tình hình thực tiễn của Học viện, việc xác định mô hình quản lý, cơ cấu bộ máy, các quy trình và phương pháp vận hành phù hợp với văn hóa, chất lượng của một cơ sở GDĐH nhằm xây dựng nội dung điều hành từng lĩnh vực công tác là vấn đề cần tập trung nghiên cứu, xây dựng thành giải pháp có tính chiến lược.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu và quan điểm về đảm bảo

chất lượng và mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục đại học ở một số nước trên thế giới

Ở các nước Đông Nam Á, ĐBCL được đưa vào quản lý chất lượng GDDH, nhưng mỗi nước lại có những điểm khác nhau. Ở Thái Lan, ĐBCL được giới thiệu qua hệ thống kiểm tra chất lượng nhà trường, kiểm toán chất lượng bên ngoài và kiểm định công nhận (BH S, 2002) nhằm vào các mục tiêu, việc thực hiện, các kết quả học tập hay các chỉ số và sự phát triển. Ở Indonesia, ĐBCL được xác định thông qua kiểm tra nội bộ các chương trình học, các quy định của Chính phủ, cơ chế thị trường và kiểm định công nhận (Tadjudin, 2001)

Tác giả Materu, Peter (2008) trong cuốn sách “Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học ở châu Phi cận Sahara: Tình trạng, thách thức, cơ hội và việc thực hiện” đã phản ánh tình trạng GDDH ở các nước châu Phi cận Sahara. Thông qua các con số và chất lượng sinh viên tốt nghiệp, đặt ra vấn đề phải ĐBCL GDDH cho các nước này; phải có một chương trình toàn diện (cả về phạm vi và nội dung giảng dạy) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm kiểm soát và thi hành. Quan điểm này thể hiện rõ vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về GDDH trong vấn đề chất lượng đào tạo của nhà trường đại học.

Như vậy, có thể thấy ĐBCL GDDH được sử dụng rộng rãi trên thế giới như là một công cụ nhằm duy trì các chuẩn mực và không ngừng cải thiện quản lý GDDH theo quan điểm ĐBCL. ĐBCL GDDH được dùng như là một thuật ngữ chung, ở các cấp độ, các cách thức khác nhau tùy thuộc vào văn hoá và tình hình phát triển kinh tế xã hội của mỗi nước. Đó là cơ sở lý luận để áp dụng trong nghiên cứu về mô hình ĐBCL tại Học viện Dân tộc.

2.2. Các nghiên cứu về đảm bảo chất lượng và mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục đại học ở trong nước

Có nhiều công trình nghiên cứu trong nước đề cập tới vấn đề ĐBCL GDDH khá toàn diện, trong đó có việc áp dụng quan điểm ĐBCL trong giáo dục của các nước vào thực tế Việt Nam. Điển hình là:

Phạm Thành Nghị (2000) trong cuốn “Quản lý chất lượng giáo dục đại học” đã nêu các thông tin thiết thực, các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng GDDH thế giới và khuyến nghị áp dụng hệ thống ĐBCL vào GDDH ở nước ta. Các chỉ số thực hiện và chuẩn mực chất lượng trong GDDH cùng một số hình thức đánh giá chất lượng là gợi ý có sức thuyết phục để các nhà nghiên cứu có thể áp dụng ở trong nước.

Tiếp nối nghiên cứu trên, từ năm 2002, các tác giả Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Phương Nga, Lê Đức Ngọc (2002) với cuốn “Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học” đã cung cấp kết quả nghiên cứu đa diện về ĐBCL GDDH, gồm những nội dung: Kiểm

định chất lượng trong GDDH Việt Nam; bộ tiêu chí đánh giá chất lượng và điều kiện ĐBCL đào tạo cho các trường đại học Việt Nam; hướng dẫn kiểm định chất lượng dùng cho các trường đại học Việt Nam; kiểm định chất lượng trong GDDH ở một số nước trên thế giới. Nghiên cứu này là cơ sở khoa học cho việc triển khai công tác kiểm định chất lượng GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm 2004.

Sách chuyên khảo “Giáo dục đại học Việt Nam - Những vấn đề về chất lượng và quản lý” của các tác giả Đặng Quốc Bảo, Lâm Quang Thiệp, Đặng Bá Lâm, Lê Đức Ngọc (2013) là tập hợp các bài viết về những vấn đề chung của hệ thống GDDH Việt Nam, bao gồm chất lượng GDDH, quản trị GDDH, tài chính GDDH. Các bài viết đã mô tả về thực trạng GDDH Việt Nam trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21 và các quan điểm về quản lý GDDH tiếp cận với góc độ ĐBCL. Những bài viết này đã khái quát lại quá trình áp dụng các mô hình ĐBCL của Việt Nam từ khi bắt đầu thực hiện quản lý chất lượng GDDH theo mô hình của khu vực Đông Nam Á, là cơ sở cho chính sách chất lượng từ năm 2013 trở lại đây. Tác giả Lê Đình Sơn (2014) trong cuốn sách “Quản lý chất lượng tổng thể từ sản xuất, kinh doanh đến giáo dục đại học” đã cung cấp những kiến thức lý luận và ứng dụng lý thuyết quản lý chất lượng tổng thể vào quản lý trong lĩnh vực GDDH và sản xuất, kinh doanh.

Như vậy, trong những công bố kết quả nghiên cứu về ĐBCL GDDH tại các trường đại học ở Việt Nam, các tác giả đều nêu ra thực trạng tương đối phong phú về thực hiện các mô hình ĐBCL GDDH trong các nhà trường và đề ra các giải pháp phù hợp với từng trường. Các bài viết đã đóng góp những vấn đề lý luận về mô hình ĐBCL bên trong cơ sở GDDH hoặc trường trung cấp chuyên nghiệp, góp phần tạo nên một nền tảng cơ sở lý luận quan trọng để tác giả kế thừa trong nghiên cứu mô hình ĐBCL bên trong của Học viện Dân tộc.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá thông tin thứ cấp thu thập được qua các công trình nghiên cứu đã được công bố ở dạng sách, bài báo, luận án tiến sĩ để làm sáng tỏ cơ sở lý luận.

Đặc biệt trong đó là việc nghiên cứu bộ tài liệu đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng GDDH của Trung tâm đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, *Tài liệu học tập Mô đun A*, Chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng GDDH và trung cấp chuyên nghiệp, Đại học Quốc gia Hà Nội (2021).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Lý luận chung về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

4.1.1. *Đảm bảo chất lượng*

Theo ISO, ĐBCL là “Tất cả các hoạt động có hoạch định hay có hệ thống cần thiết nhằm cung cấp sự đủ tự tin rằng một sản phẩm hay một dịch vụ là đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng” (Trung tâm đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, 2021). Theo Freeman (1994:16), ĐBCL là “một cách tiếp cận mà công nghiệp sản xuất sử dụng nhằm đạt được chất lượng tốt nhất... ĐBCL là một cách tiếp cận có hệ thống nhằm xác định nhu cầu thị trường và điều chỉnh các phương thức làm việc nhằm đáp ứng được các nhu cầu đó” (Trung tâm đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, 2021)

Theo các cách hiểu trên, ĐBCL là một cách tiếp cận việc tổ chức công việc, nhằm đảm bảo rằng:

- Có sự phổ biến và minh bạch về sứ mạng và mục đích của tổ chức để tất cả mọi người trong tổ chức biết một cách rõ ràng.
- Có kế hoạch rõ ràng về công việc, được thực hiện, được tính toán cẩn thận và được truyền đạt đến tất cả mọi người.
- Nêu cao trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tổ chức, thể hiện qua việc tất cả mọi người đều biết rõ trách nhiệm của mình.
- Các minh chứng về chất lượng được định nghĩa rõ ràng và có lưu trữ trong tài liệu của tổ chức thành một hệ thống trong quá trình quản lý.
- Có cơ chế quản lý chất lượng thể hiện qua các hệ thống kiểm tra để đảm bảo tất cả mọi việc được

tiến hành theo đúng kế hoạch; và khi có sự cố không thể tránh khỏi, có cách thức giải quyết các sự cố đó.

Như vậy, ĐBCL được hiểu là hệ thống các hoạt động có kế hoạch của một tổ chức diễn ra trước, trong và sau cả quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của tổ chức đó, nhằm hỗ trợ, kiểm soát, cải tiến để đạt mục tiêu đề ra.

Các điều kiện và nguyên tắc cơ bản này hiện nay được áp dụng trong quan điểm ĐBLC của GDĐH ở Việt Nam, là căn cứ để hình thành quy trình ĐBCL bên trong cơ sở GDĐH.

4.1.2. *Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học*

Khung ĐBCL GDĐH hiện nay trong hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các cơ chế và quy trình của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo và của lãnh đạo các trường đại học. Đặc điểm chủ yếu của hệ thống này là tính chịu trách nhiệm của các trường đại học trước cộng đồng về chất lượng giáo dục và đào tạo của mình.

Như vậy, ĐBCL GDĐH được hiểu là hệ thống các hoạt động có kế hoạch của một cơ sở GDĐH diễn ra trước trong và sau cả quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo theo mục tiêu, sứ mạng của nhà trường, đặt trong tầm kiểm soát của cơ quan quản lý GDĐH nhằm hỗ trợ, kiểm soát, cải tiến để cơ sở giáo dục đó đạt mục tiêu đề ra.

Theo Luật Giáo dục đại học sửa đổi của Việt Nam, ĐBCL GDĐH bao gồm ĐBCL bên trong, ĐBCL bên ngoài và kiểm định chất lượng. Mọi quan hệ được thể hiện trong sơ đồ (Hình 1).



Hình 1. Cấu trúc hệ thống đảm bảo chất lượng trong giáo dục đại học

Theo quan điểm giáo dục hiện nay, ĐBCL là trách nhiệm của trường đại học. Dù cơ quan quản lý giáo dục có trọng trách đặc biệt liên quan đến ĐBCL, nhưng nhà trường (đặc biệt là đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên) chịu trách nhiệm trong việc đề ra chất lượng và ĐBCL. Vì thế, mỗi trường cần xây dựng một hệ thống ĐBCL bên trong hiệu quả. Không có một mô hình ĐBCL nào phù hợp

chung cho tất cả các trường, mà tùy thuộc vào việc nhà trường chọn mô hình nào phù hợp với đặc điểm của đơn vị. Tuy nhiên, hệ thống ĐBCL bên trong cần có các yếu tố của chu trình Deming, đó là: lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và hành động.

4.1.3. *Đảm bảo chất lượng bên trong*

Theo International Institute for Educational

Planning (IIEP), thuộc UNESCO, “ĐBCL bên trong là hệ thống các chính sách và cơ chế để vận hành một trường Đại học hoặc một chương trình giáo dục nhằm đảm bảo nhà trường hoặc chương trình giáo dục đáp ứng đầy đủ các mục tiêu và chuẩn mực được áp dụng cho trường đại học hoặc chương trình giáo dục đó” (HEP II, 2012).

Còn theo AUN, “ĐBCL bên trong là một hệ thống trong đó đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên hài lòng với cơ chế kiểm soát giúp duy trì và nâng cao chất lượng.” Cũng theo giải thích của AUN, trong bối cảnh của trường đại học, “ĐBCL bên trong là toàn bộ hệ thống, nguồn lực và thông tin giúp cho việc thiết lập, duy trì và phát triển chất lượng và các chuẩn mực trong hoạt động dạy, học, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng” (Trung tâm đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, 2021).

Khái quát lại có thể định nghĩa ĐBCL bên trong là: Hệ thống các chính sách và cơ chế, bộ máy, các nguồn lực tài lực, vật lực, nhân lực, thông tin để vận hành một trường đại học hoặc một chương trình giáo dục nhằm đảm bảo nhà trường hoặc chương trình giáo dục đáp ứng đầy đủ các mục tiêu và chuẩn mực được áp dụng cho trường đại học hoặc chương trình giáo dục đó.

4.1.4. Đảm bảo chất lượng bên ngoài

ĐBCL bên ngoài được thực hiện bởi một tổ chức hoặc cá nhân bên ngoài cơ sở đào tạo. Đánh giá viên đánh giá hoạt động của cơ sở đào tạo, hệ thống hay chương trình để quyết định xem mức độ đáp ứng những tiêu chuẩn. Đây có thể hiểu như hoạt động đánh giá ngoài theo như cách hiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

“*Đánh giá ngoài*” là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để xác định mức độ cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012).

ĐBCL bên ngoài giữ vai trò quan trọng vì nó góp phần tạo ra cái nhìn cân bằng hơn về chất lượng của nhà trường, giải trình một cách thuyết phục về chất lượng của nhà trường đối với xã hội. ĐBCL bên ngoài còn là một kênh thông tin quan trọng, giúp nhà trường cải thiện chất lượng.

Như vậy, ĐBCL bên ngoài được hiểu là hệ thống ĐBCL giáo dục do các cơ quan quản lý cấp trên vận hành bao gồm: mốc chuẩn đánh giá, hoạt động đánh giá, thẩm định chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn do các cá nhân, đơn vị có năng lực được cơ quan quản lý giáo dục công nhận thực hiện.

4.1.5. Kiểm định chất lượng

Đây là hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất

lượng giáo dục do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành. Kiểm định chất lượng giáo dục gồm: kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (còn gọi là kiểm định trường) và kiểm định chương trình giáo dục (còn gọi là kiểm định chương trình).

Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục được áp dụng đối với tất cả các cơ sở giáo dục thuộc các cấp học và trình độ đào tạo. Kiểm định chất lượng chương trình giáo dục được áp dụng đối với các chương trình giáo dục các trình độ đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

Hiện nay, kiểm định chất lượng là công cụ giải trình chủ yếu của cơ sở GDĐH, nhờ đó có thể xác minh được chất lượng giáo dục một cách minh bạch theo tiêu chuẩn của cơ quan quản lý đặt ra. Đây là khâu quan trọng trong quy trình ĐBCL giáo dục của cơ sở GDĐH, là căn cứ để trường đại học giải trình với xã hội và được công nhận tự chủ đại học.

4.1.6. Quy trình đảm bảo chất lượng

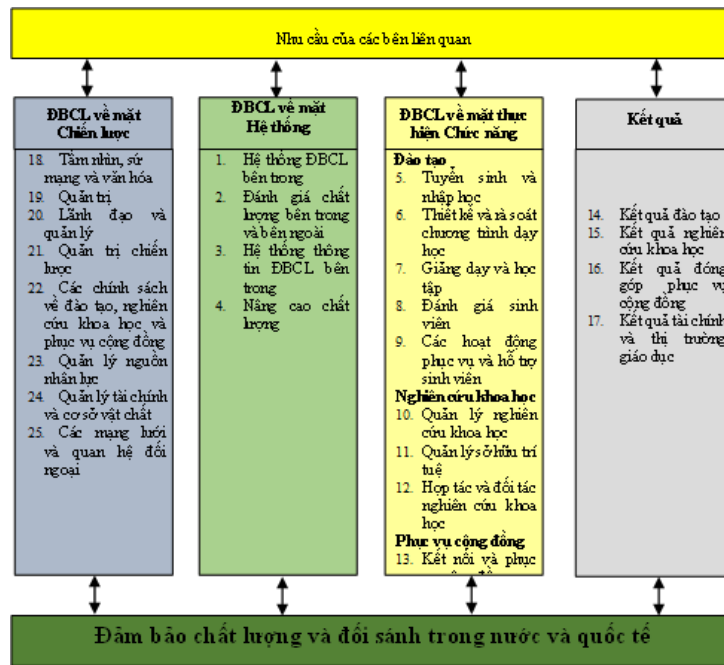
Nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra quy trình ĐBCL trong GDĐH là việc thiết lập hệ thống ĐBCL. Có thể khái quát các bước như sau:

- (1) Xác định sứ mạng hay mục đích của các cơ sở giáo dục.
- (2) Xác định các chức năng mà các cơ sở giáo dục thực hiện và tầm quan trọng tương ứng trong việc thực hiện sứ mạng.
- (3) Xác định các mục tiêu của mỗi chức năng và đặt ra các chỉ số thực hiện định tính và định lượng.
- (4) Thành lập hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo các mục tiêu này có thể đạt được và thành lập một hệ thống kiểm định chất lượng nhằm đánh giá việc các cơ sở giáo dục thực hiện các chức năng và xác định các lĩnh vực cần có sự cải tiến.

4.2. Kết quả nghiên cứu về mô hình mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN

4.2.1. Đảm bảo chất lượng cấp cơ sở đào tạo theo AUN-QA

Theo mô hình ĐBCL cấp cơ sở đào tạo (Hình 2), quy trình ĐBCL của trường đại học bao gồm các bước: (1) Xác định chiến lược phát triển: sứ mạng, mục đích và mục tiêu (cột đầu tiên). Điều này cần dựa trên hai yếu tố chính là yêu cầu của các bên liên quan và đối sánh với các đơn vị cấp quốc gia và quốc tế; (2) Công tác quản trị (cột thứ hai): Chính sách, quản lý và nguồn lực được chi tiết hóa thành các tiêu chí, mục tiêu chính sách mang tính khả thi, được quản lý rõ ràng, hiệu quả, có nguồn nhân lực chất lượng cao và đủ nguồn tài chính để thực hiện các mục tiêu đề ra; (3) Đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng (cột thứ ba); (4) Tất cả những yếu tố trên nhằm đạt được kết quả đầu ra của cơ sở GDĐH (thành quả).



Hình 2. Mô hình DBCL cấp cơ sở đào tạo theo AUN-QA

4.2.2. Đảm bảo chất lượng cấp chương trình đào tạo theo AUN-QA

Theo mô hình DBCL cấp chương trình (Hình 3), cần tập trung vào vấn đề giảng dạy và học tập với những yếu tố sau: Chất lượng đầu vào; Chất lượng quá trình; Chất lượng đầu ra. Mô hình DBCL

nguyên bản của AUN-QA cho cấp chương trình đã được xem xét để bổ sung các hướng dẫn, hiệu quả và hiệu lực của việc đánh giá. DBCL cấp chương trình được coi là nền tảng ban đầu góp phần xây dựng văn hoá chất lượng ngay từ khi bắt đầu tổ chức đào tạo.



Hình 3. Mô hình DBCL cấp chương trình đào tạo theo AUN-QA

4.2.3. Đảm bảo chất lượng các hoạt động nghiên cứu theo AUN-QA

Theo mô hình DBCL các hoạt động nghiên cứu, cần tập trung vào kết quả sản phẩm của các nghiên cứu so chiếu với mục đích và mục tiêu của hoạt động. Các yếu tố cần xây dựng ngay từ đầu bao gồm: Các chính sách nghiên cứu, cách thức quản lý nghiên cứu, nguồn nhân lực thực hiện và kinh phí thực hiện

nghiên cứu. Đối với chính sách nghiên cứu cần đi kèm với các chương trình nghiên cứu, số lượng xuất bản, số lượng luận văn/luận án có được. Đối với cách thức quản lý nghiên cứu, cần chú trọng cả các yếu tố tổ chức nghiên cứu và vấn đề quy tắc đức nghiên cứu. Đối với nguồn nhân lực nghiên cứu, cần chú trọng cả vấn đề đào tạo nghiên cứu, hỗ trợ nghiên cứu sinh và giải thưởng mà nghiên cứu viên, nhân

viên đạt được. Đối với kinh phí đầu tư thực hiện nghiên cứu, cần chú trọng cả cơ sở vật chất cho thực hiện và cả kinh phí bên ngoài cho hỗ trợ thực hiện. Để đảm bảo kết quả đạt được theo mục tiêu, cần thực hiện cải tiến chất lượng liên tục và đối sánh trong nước tiến tới đối sánh quốc tế.

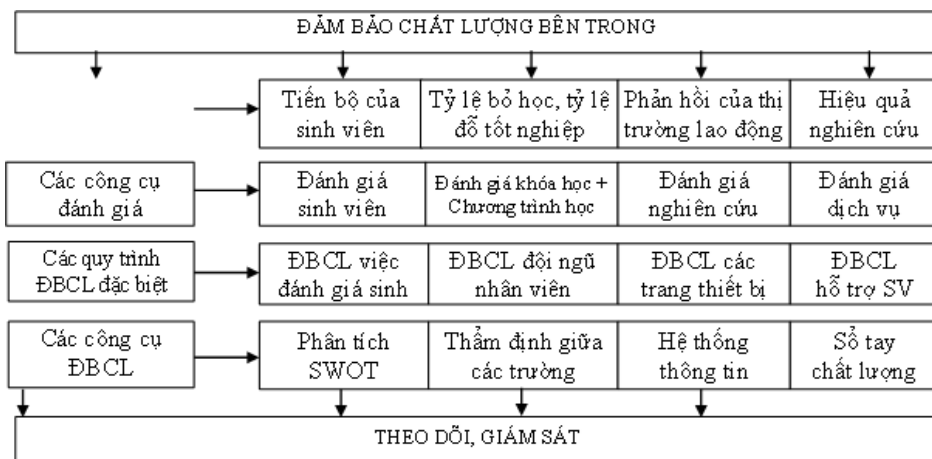
4.2.4. *Đảm bảo chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của AUN-QA*

ĐBCL cho các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, cần tập trung vào kết quả đầu ra của các hoạt động so chiếu với mục đích và mục tiêu của hoạt động. Các yếu tố cần xem xét bao gồm: các chính sách, cách thức quản lý và nguồn nhân lực thực hiện. Đối với chính sách hoạt động, cần đi

kèm với các chương trình dịch vụ; đối với cách thức quản lý, cần chú trọng cả yếu tố tổ chức của dịch vụ cộng đồng; đối với nguồn nhân lực, cần chú trọng trình độ của nhân viên. Đồng thời, để đảm bảo kết quả của các hoạt động đạt được theo mục tiêu, cần thực hiện cải tiến chất lượng liên tục, ĐBCL và đối sánh trong nước và quốc tế.

4.2.5. *Đảm bảo chất lượng bên trong theo AUN-QA*

Khung ĐBCL bên trong (Hình 4) bao phủ những lĩnh vực sau: Các công cụ giám sát; Các công cụ đánh giá; Các quy trình ĐBCL đặc biệt; Các công cụ ĐBCL đặc biệt và các hoạt động tiếp theo để cải tiến chất lượng.



Hình 4. Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong (IQA) của AUN-QA

5. **Thảo luận**

Qua kết quả nghiên cứu lý luận cơ bản của hoạt động ĐBCL GDĐH nói chung và mô hình ĐBCL mà các trường đại học trong nước và khu vực châu Á đang áp dụng, có thể đề xuất một số định hướng về chính sách chất lượng để xây dựng quy trình ĐBCL giáo dục tại Học viện Dân tộc trong giai đoạn đầu tổ chức đào tạo trình độ đại học như sau:

Thứ nhất, Học viện Dân tộc là tổ chức khoa học, giáo dục công lập có sứ mạng nghiên cứu chiến lược, chính sách dân tộc; đào tạo đại học, sau đại học góp phần phát triển nguồn nhân lực trình độ cao; bồi dưỡng kiến thức dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức trong nước và quốc tế. Giá trị cốt lõi được hình thành trong quá trình phát triển là: “Đoàn kết, sáng tạo, chất lượng, bản sắc dân tộc, phát triển bền vững”.

Thứ hai, Học viện Dân tộc xác định, chất lượng là quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển Học viện Dân tộc; Chất lượng được ưu tiên lồng ghép xuyên suốt mọi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; Chất lượng là sự cải tiến

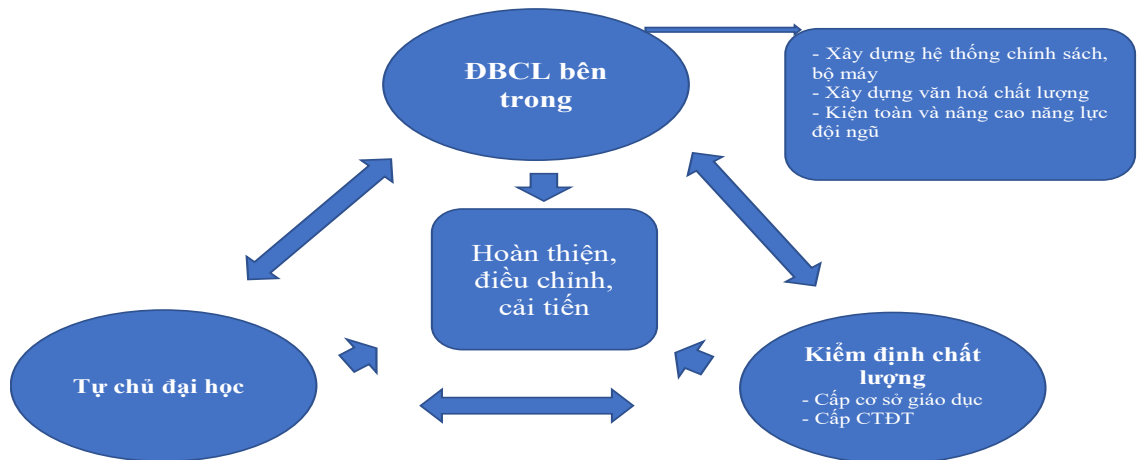
thường xuyên liên tục, khuyến khích sự chủ động vận dụng trong cơ chế hoạt động của từng đơn vị; Học viện Dân tộc tiến hành triển khai đồng bộ và có kế hoạch từ giai đoạn đầu thành lập các hoạt động ĐBCL bên trong, tự đánh giá hàng năm từng mặt hoạt động trước khi tiến hành tự đánh giá toàn diện cơ sở GDĐH theo chu kỳ đánh giá cơ sở GDĐH trong nước.

Thứ ba, Học viện Dân tộc tập trung xây dựng chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Áp dụng cơ bản theo mô hình ĐBCL của AUN – QA để xây dựng các quy trình ĐBCL của các lĩnh vực theo chức năng đã xác định. Công tác ĐBCL tại Học viện Dân tộc được triển khai theo lộ trình thống nhất, xuất phát từ việc xây dựng một hệ thống ĐBCL bên trong vững chắc, từ xác định mục tiêu, chiến lược đến xây dựng hệ thống các quy trình quản lý, sau đó triển khai các quy trình hoạt động theo quan điểm P-D-C-A, xây dựng văn hoá chất lượng ngay từ khi bắt đầu tổ chức đào tạo. Trong giai đoạn tiếp theo Học viện Dân tộc sẽ xây dựng nền tảng ĐBCL bên trong để bước đầu các hoạt động tự đánh giá, tự xác định các

mốc chuẩn đạt được theo bộ tiêu chí từ đó cải tiến liên tục để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng tiến tới kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo lần thứ nhất.

Thứ tư, Hệ thống ĐBCL của Học viện Dân tộc bao gồm: Giám đốc chịu trách nhiệm chính về chất lượng đào tạo của đơn vị. Giám đốc có thể phân

công một Phó giám đốc theo dõi và phụ trách bộ phận ĐBCL của Học viện. Trong đó, phòng Khảo thí và ĐBCL là tổ chức chuyên môn có chức năng theo dõi chất lượng đào tạo, xây dựng quy trình, quy định về ĐBCL, triển khai đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của đơn vị theo chiến lược và kế hoạch chung của Học viện Dân tộc.



Hình 5. Sơ đồ định hướng chiến lược về ĐBCL của Học viện Dân tộc

6. Kết luận

Xây dựng và vận hành quy trình ĐBCL phù hợp là yêu cầu tất yếu đối với mỗi cơ sở GDĐH dựa trên đặc điểm, chức năng, quá trình hình thành của đơn vị. Việc cần thiết để có thể xây dựng quy trình ĐBCL là phải nghiên cứu toàn diện, khách quan các mô hình quản lý chất lượng của các trường đại học trong nước và khu vực châu Á; về tính khả thi của các mô hình vận dụng vào điều kiện thực tiễn của đơn vị; sau đó mới triển khai áp dụng. Bên cạnh đó, việc xây dựng và vận hành thành công quy trình ĐBCL đòi hỏi phải có sự tham gia đóng góp ý tưởng và triển khai thực hiện của toàn thể cán bộ, nhân viên trong Học viện Dân tộc. Từ những nỗ

lực trong đổi mới công tác quản lý và những định hướng, chính sách rõ ràng, hiệu quả ngay từ khi bắt đầu tổ chức các hoạt động với chức năng là một cơ sở GDĐH, công tác ĐBCL tại Học viện Dân tộc được kế thừa từ các mô hình quản lý chất lượng của các trường đại học, học viện có chức năng tương tự, do đó có nhiều thuận lợi trong quá trình tổ chức các hoạt động quản lý chất lượng nói chung và thực hiện quy trình ĐBCL nói riêng.

Chắc chắn những mô hình được chọn lựa nêu trên sẽ góp phần xây dựng một văn hoá chất lượng cho Học viện Dân tộc trong những năm tiếp theo, tiến tới sánh vai cùng các cơ sở giáo dục khác trong hệ thống GDĐH Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Anh, S. N. (2012). Xây dựng chuẩn đầu ra góp phần đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 288(2-6), tr.23,29-31.

Bao, D. Q., Thiệp, L. Q., Lam, D. B., & Ngọc, L. D. (2013). *Giáo dục đại học Việt Nam - Những vấn đề về chất lượng và quản lý*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Ban hành Thông tư Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp*.

Thông tư số 62/2012/TT/BGDĐT, ngày 28/12/2012.

Chinh, N. D., Nga, N. P., & Ngọc, L. D. (2002). *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Cuong, P. L. (2013). Đảm bảo chất lượng trong các trường/khoa Đại học Sư phạm. *Tạp chí Giáo dục*, 309(1-5), tr.16-18.

HEP II. (2012). *Report produced by Richard Lewis (Activity 1.3.1: Accreditation and Quality Culture: Higher education quality assurance)*.

- Hong, S. C. (2013). Đề xuất nội dung quản lý chương trình giáo dục tiếp cận đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á. *Tap chi Giao duc*, 322(2-11), tr.7-9.
- Lieu, T. T. B. (2008). *Nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở Mi: Những giải pháp mang tính hệ thống và định hướng thi trường*. Đại học Su pham.
- Nghi, P. T. (2000). *Quản lý chất lượng giáo dục đại học*. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Peter, M. (2008). *Assurance qualité de l'enseignement supérieur en Afrique subsaharienne*. Washington, DC, Banque mondiale, -XXII.
- Son, L. D. (2014). *Quản lý chất lượng trong thế kỷ XXI*. NXB. Giáo dục.
- Trung tâm đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục. (2021). *Tài liệu học tập Môn A, Chương trình đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục đại học và TCCN*. Đại học Quốc gia Hà Nội
- Tuan, D. T. (2015). *Quản lý chất lượng đào tạo tại các trường đại học tu thục khu vực miền Trung Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục: 62.14.01.14. Việt Nam.
- Vu, T. A. (2015). Đảm bảo chất lượng bên trong các trường đại học Việt Nam nhìn từ các nghiên cứu trong và ngoài nước. *Tap chi Giao duc*, 351(1-2), tr.28-30.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHUYẾN NGHỊ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TẠI HỌC VIỆN DÂN TỘC

Nguyễn Thị Ánh Tuyết^a
Vũ Thị Thu Trang^b

^aHọc viện Dân tộc

Email: tuyetnta@hvdtd.edu.vn

^bVăn phòng Hội đồng Quản lý Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

Email: trangvtt@vss.gov.vn

Ngày nhận bài: 12/8/2021

Ngày phản biện: 23/9/2021

Ngày tác giả sửa: 17/10/2021

Ngày duyệt đăng: 05/11/2021

Ngày phát hành: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/577>

Xây dựng và triển khai mô hình đảm bảo chất lượng ở trường đại học là yếu tố góp phần vào quá trình nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình đảm bảo chất lượng sẽ tùy thuộc vào điều kiện và bối cảnh cụ thể của từng cơ sở giáo dục đại học. Bài báo trình bày tổng quan quan điểm về đảm bảo chất lượng và một số mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục đại học phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới, đề xuất chính sách chất lượng, hệ thống đảm bảo chất lượng, mô hình đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện Dân tộc trong điều kiện cơ chế, cơ cấu bộ máy của Học viện Dân tộc hiện nay.

Từ khóa: *Đảm bảo chất lượng; Học viện Dân tộc; Giáo dục đại học; Kiểm định chất lượng; Quy trình.*